

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 455/XMST-KHCL

V/v mời chào giá gói mua sắm: Vật tư đúc
phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội

15a.04 năm 2020 (ký hiệu:

XMST/2020/VTĐ)

Phủ Thọ, ngày 05 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Các nhà cung cấp tham gia chào giá.

Gói mua sắm: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020 (ký hiệu: XMST/2020/VTĐ).

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá cạnh tranh gói mua sắm: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020 (ký hiệu: XMST/2020/VTĐ) (chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm).

Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hôm 9 h 00', ngày 12/5/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hôm 9 h 15', ngày 12/5/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Huấn: 0983.222.980.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên; 
- BGĐ (b/c);
- KHCL;
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/VTĐ)

**Tên gói mua sắm: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống
ghi làm nguội 15a.04 năm 2020**

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phủ Thọ, tháng 5/2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- 000 -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/VTĐ

Tên gói mua sắm: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm
nguội 15a.04 năm 2020

Phương án mua sắm: Mua sắm vật tư phục vụ sửa chữa hệ thống ghi
làm nguội 15a.04 năm 2020

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Q. Trưởng Phòng

Bùi Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279082
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG
VICEM
SÔNG THAO
H. THANH BÀ - T. PHÚ THO

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020 (ký hiệu: XMST/2020/VTĐ).

Trong đó:

Lô1: Vật tư tấm ghi cho giàn ghi I.

Lô2: Vật tư tấm ghi cho giàn ghi II.

Lô3: Vật tư sàng ghi máy đập (Vật tư đúc chịu mài mòn).

Nhà thầu có thể tham gia chào giá một lô của gói mua sắm hoặc tất cả các lô của gói mua sắm.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian giao hàng: 04 tuần kể từ ngày ký hợp đồng (Trước ngày 20/6/2020).

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm => Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không

muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.
3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp (*Nhà cung cấp nộp tài liệu bản công chứng bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2019; 2020 và 02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm (trong đó có 01 hợp đồng gia công vật tư đúc trong các nhà máy xi măng thuộc Tổng Công ty VICEM) trong các năm 2018; 2019; 2020 theo (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo giá trị hợp đồng $\geq 1,26$ tỷ đồng;*
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
5. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu
6. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, thời gian giao hàng, theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
7. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo

đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá **quy định tại văn bản mời chào giá**.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 11. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào thời điểm **quy định tại văn bản mời chào giá** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 12. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không

làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp hợp lệ.
3. Có Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp: *(Nhà cung cấp nộp tài liệu bản công chứng bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2019; 2020 và 02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm (trong đó có 01 hợp đồng gia công vật tư đúc trong các nhà máy xi măng thuộc Tổng Công ty VICEM) trong các năm 2018; 2019; 2020 theo (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo giá trị hợp đồng $\geq 1,26$ tỷ đồng;*
4. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
5. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
6. Có giá chào thấp nhất;
7. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax: 02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Huân – CV Phòng Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0983.222.980).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tài liệu chứng minh giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2019; 2020 phải dương. Tổng giá trị 02 hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu gói mua sắm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương IV: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: ____ [*Ghi tên gói mua sắm*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Trong đó:

Lô1: Vật tư tấm ghi cho giàn ghi I: Đồng.

Lô2: Vật tư tấm ghi cho giàn ghi II: Đồng.

Lô3: Vật tư sàng ghi máy đập (Vật tư đúc chịu mài mòn) : Đồng.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Tên vật tư	ĐVT	SL	KL/tám	KL tổng	Đơn giá	Thành Tiền
I	Lô 1: Vật tư tám ghi cho giàn ghi I						
1	Tám ghi tĩnh TC-VII (Có bản vẽ kèm theo)	kg	28	31	868		
2	Tám ghi chuyển tiếp TC-VIII (Có bản vẽ kèm theo)	kg	21	34	714		
3	Tám ghi sau chuyển tiếp TC-IX (Có bản vẽ kèm theo)	kg	63	25	1.575		
4	Tám chết trái YR41.1-2A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	9	14,5	131		
5	Tám chết phải YR41.1-2B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	9	14,5	131		
6	Tám khóa cuối ghi 1 YR41.1-1 (Có bản vẽ kèm theo)	kg	9	11,3	102		
7	Tám cầu chết trái R4013.2-7A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	2	30,3	61		
8	Tám cầu chết phải R4013.2-7B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	2	30,3	61		
I.1	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ (1 ÷ 8)						
I.2	THUẾ VAT (10%)						
I.3	TỔNG CỘNG SAU THUẾ						
II	Lô2: Vật tư tám ghi cho giàn ghi II						
1	Tám ghi sau chuyển tiếp TC-IX (Có bản vẽ kèm theo)	kg	27	25	675		
2	Tám chết trái YR47.1-4A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	13	14,5	189		
3	Tám chết phải YR47.1-4B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	13	14,5	189		
4	Tám cầu chết trái R4026.2-1A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	1	21,5	22		

TT	Tên vật tư	ĐVT	SL	KL/tấm	KL tổng	Đơn giá	Thành Tiền
5	Tấm cầu chết phải R4026.2-1B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	1	21,5	22		
6	Tấm chết R4026.2-3 (Có bản vẽ kèm theo)	kg	8	18,5	148		
7	Tấm ghi đơn R4013.2-6B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	88	23	2.024		
8	Tấm chết trái YR41.1-3A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	4	23,6	94		
9	Tấm chết phải YR41.1-3B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	4	23,6	94		
10	Đệm phẳng ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	1.350				
11	Đệm vát ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	1.350				
12	Ray đỡ dầm ghi (ray vát) ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	8				
13	Ray đỡ trục ghi (ray phẳng) ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	4				
II.1	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ (1 ÷ 13)						
II.2	THUẾ VAT (10%)						
II.3	TỔNG CỘNG SAU THUẾ						
III	Lô 3: Vật tư sàng ghi máy đập (Vật tư đúc chịu mài mòn)						
1	Sàng ghi 5 thanh Mã BV: VTG - SG	cái	20	52	1.040		
2	Búa đập clinker (52 kg/quả) Mã BV: VTG - BĐ	kg	4	122	488		
III.1	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ (1 ÷ 2)						
III.2	THUẾ VAT (10%)						
III.3	TỔNG CỘNG SAU THUẾ						

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp và yêu cầu kỹ thuật:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

TT	Tên vật tư	ĐVT	SL	KL/tấm	KL tổng
I	Lô1: Vật tư tấm ghi cho giàn ghi I				
1	Tấm ghi tĩnh TC-VII (Có bản vẽ kèm theo)	kg	28	31	868
2	Tấm ghi chuyển tiếp TC-VIII (Có bản vẽ kèm theo)	kg	21	34	714
3	Tấm ghi sau chuyển tiếp TC-IX (Có bản vẽ kèm theo)	kg	63	25	1.575
4	Tấm chết trái YR41.1-2A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	9	14,5	131
5	Tấm chết phải YR41.1-2B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	9	14,5	131
6	Tấm khóa cuối ghi 1 YR41.1-1 (Có bản vẽ kèm theo)	kg	9	11,3	102
7	Tấm cầu chết trái R4013.2-7A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	2	30,3	61
8	Tấm cầu chết phải R4013.2-7B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	2	30,3	61
II	Lô 2: Vật tư tấm ghi cho giàn ghi II				
1	Tấm ghi sau chuyển tiếp TC-IX (Có bản vẽ kèm theo)	kg	27	25	675
2	Tấm chết trái YR47.1-4A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	13	14,5	189
3	Tấm chết phải YR47.1-4B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	13	14,5	189
4	Tấm cầu chết trái R4026.2-1A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	1	21,5	22
5	Tấm cầu chết phải R4026.2-1B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	1	21,5	22
6	Tấm chết R4026.2-3 (Có bản vẽ kèm theo)	kg	8	18,5	148
7	Tấm ghi đơn R4013.2-6B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	88	23	2.024

TT	Tên vật tư	ĐVT	SL	KL/tấm	KL tổng
8	Tấm chét trái YR41.1-3A (Có bản vẽ kèm theo)	kg	4	23,6	94
9	Tấm chét phải YR41.1-3B (Có bản vẽ kèm theo)	kg	4	23,6	94
10	Đệm phẳng ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	1.350		
11	Đệm vát ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	1.350		
12	Ray đỡ dầm ghi (ray vát) ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	8		
13	Ray đỡ trục ghi (ray phẳng) ghi 1,2 (Có bản vẽ kèm theo)	cái	4		
III	Lô 3: Vật tư sàng ghi máy đập (Vật tư đúc chịu mài mòn)				
1	Sàng ghi 5 thanh Mã BV: VTG - SG	cái	20	52	1.040
2	Búa đập clinker (52 kg/quả) Mã BV: VTG - BĐ	kg	4	122	488

(kèm bản vẽ chi tiết)

Mục 2. Thời gian và địa điểm giao hàng:

2.1 Thời gian giao hàng: Trước ngày 20/6/2020.

2.2 Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao – Khu 9 xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Mục 3. Điều kiện nghiệm thu và bảo hành:

3.1. Điều kiện nghiệm thu:

+ Vật tư tấm ghi (Lô 1, Lô 2):

- Hàng hóa mới 100%, gia công đúng theo bản vẽ , các dung sai kích thước theo đúng TCXD 170-2007 và TCVN 224499.

- Sản phẩm sau khi đúc phải được làm sạch bavia, làm cùn cạnh sắc, không cong vênh, không có khuyết tật nứt, ngậm xỉ, rỗ khí.

- Đúng thành phần hóa học của SUS310 (có kết quả phân tích thành phần hóa học của Quacert hoặc tương đương)

- Có giấy chứng nhận xuất xưởng của đơn vị sản xuất.

- Khối lượng nghiệm thu theo TCVN 2234-78 đối với vật tư đúc bằng thép

- Sản phẩm phải lắp tương thích với thiết bị nhà máy

- Trên sản phẩm phải khắc tên hoặc kí hiệu nhà sản xuất, mã hiệu vật tư.

+ Vật tư sàng ghi máy đập (Lô 3):

- Hàng hóa phải mới 100%;

- Hàng hóa gia công đúng theo bản vẽ, các dung sai kích thước theo đúng TCXDVN 170-2007 và TCVN224499.

- Hàng hóa được gia công làm sạch bavia, làm cùn cạnh sắc, không cong vênh, không khuyết tật.

- Hàng hóa phải đúng vật liệu trong bản vẽ, có chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất;

- Hàng hóa chạy thử 72h hoạt động ổn định;

3.2. Điều kiện bảo hành:

+ **Vật tư tấm ghi (Lô 1, 2):** Bảo hành chất lượng hàng hóa trong thời gian 18 tháng kể từ ngày đưa hàng hóa vào sử dụng hoặc 24 tháng kể từ khi hàng hóa nhập kho tùy điều kiện nào đến trước.

+ **Vật tư sàng ghi máy đập (Lô3):** Bảo hành chất lượng hàng hóa bảo hành thời gian 6 tháng kể từ ngày sử dụng hoặc 12 tháng kể từ ngày nhập kho tùy theo điều kiện nào đến trước.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2020/HĐKT

V/v: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020
(Ký hiệu: XMST/2020/VTĐ)

Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Kế hoạch mua sắm vật tư, phụ tùng cơ điện phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao;

Căn cứ Biên bản đàm phán Hợp đồng mua Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020 giữa Hai Bên, ngày / /2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST, ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc: Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp gói mua sắm: Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020(ký hiệu: XMST/2020/VTĐ);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên;

Hôm nay, ngày / /2020, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng giám đốc**
Điện thoại : 0210. 3884 927 Fax: 0210. 3884 929
Tài khoản : 115000040144
Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng
Mã số thuế : 2600279082

II. BÊN B:

Địa chỉ :
Đại diện : Ông Chức vụ: **Giám đốc**
Điện thoại : Fax:
Tài khoản :
Ngân hàng :
Mã số thuế :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung, giá trị, hình thức Hợp đồng:

1.1. Nội dung công việc: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán Vật tư đúc phục vụ sửa chữa hệ thống ghi làm nguội 15a.04 năm 2020 do Bên B chế tạo theo bản vẽ do Bên A cung cấp (*sau đây gọi là hàng hóa*). Số lượng, khối lượng, thông số kỹ thuật hàng hóa nêu tại Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng.

1.2. Giá trị Hợp đồng: đồng

(*Bằng chữ:*).

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng của bộ	Tổng khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
				bộ	kg/bộ	kg	đồng/kg	đồng
I	Lô1,2,3:							
1								
2								
..								
Giá trị trước thuế								
Thuế VAT 10%								
Giá trị sau thuế								

Khối lượng trên là tạm tính. Khối lượng thanh quyết toán hợp đồng là khối lượng thực tế được hai Bên nghiệm thu qua cân. Bên A chỉ đồng ý nghiệm thu đối với hàng hóa đạt yêu cầu về chất lượng và thanh, quyết toán đối với những vật tư đạt yêu cầu về chất lượng và có trọng lượng đúc chênh lệch không quá 5% (*những vật tư có trọng lượng lớn hơn 5% thì phần khối lượng vượt quá sẽ không được thanh toán*).

Giá trị nêu trên đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển đến kho Bên A và các chi phí khác có liên quan.

1.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

+ **Vật tư tấm ghi (Lô 1, Lô 2):**

- Hàng hóa mới 100%, gia công đúng theo bản vẽ, các dung sai kích thước theo đúng TCXD 170-2007 và TCVN 224499.

- Sản phẩm sau khi đúc phải được làm sạch bavia, làm cùn cạnh sắc, không cong vênh, không có khuyết tật nứt, ngậm xỉ, rỗ khí.

- Đúng thành phần hóa học của SUS310 (có kết quả phân tích thành phần hóa học của Quacert hoặc tương đương)

- Có giấy chứng nhận xuất xưởng của đơn vị sản xuất.

- Khối lượng nghiệm thu theo TCVN 2234-78 đối với vật tư đúc bằng thép

- Sản phẩm phải lắp tương thích với thiết bị nhà máy

- Trên sản phẩm phải khắc tên hoặc kí hiệu nhà sản xuất, mã hiệu vật tư.

+ **Vật tư sàng ghi máy đập (Lô 3):**

- Hàng hóa phải mới 100%;

- Hàng hóa gia công đúng theo bản vẽ, các dung sai kích thước theo đúng TCXDVN 170-2007 và TCVN224499.

- Hàng hóa được gia công làm sạch bavia, làm cùn cạnh sắc, không cong vênh, không khuyết tật.

- Hàng hóa phải đúng vật liệu trong bản vẽ, có chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất;

- Hàng hóa chạy thử 72h hoạt động ổn định;

2.2 Nghiệm thu và nhập kho hàng hóa:

a. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa đúng yêu cầu kỹ thuật nêu tại Điều 1 và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng nêu từ Điểm a đến điểm e tại Khoản 2.1, Điều 2 của Hợp đồng này, có đầy đủ giấy tờ kèm theo, Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu kỹ thuật và nghiệm thu khối lượng (*qua cân của Bên A*) và làm thủ tục nhập kho hàng hóa.

b. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận, nghiệm thu hàng hóa, nếu hàng hóa do Bên B cung cấp không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng nêu từ Điểm a đến Điểm e của Khoản 2.1, Điều 2 của Hợp đồng. Bên B phải vận chuyển hàng hóa do Bên A từ chối tiếp nhận về và có trách nhiệm cung cấp hàng hóa khác đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và thời gian giao hàng theo yêu cầu của Hợp đồng. Mọi chi phí khắc phục để thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao hàng:

3.1. Thời gian giao hàng: Trước 20/6/2020.

3.2. Địa điểm giao hàng: Tại kho Nhà máy của Bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Phương thức thanh, quyết toán Hợp đồng:

4.1. Quyết toán Hợp đồng:

Sau khi Bên B hoàn thành việc giao hàng cho Bên A, Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu hàng hóa và lập Hồ sơ quyết toán Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B kèm hóa đơn GTGT theo luật định, Bên A thanh toán cho Bên B 95% giá trị quyết toán và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán khi Bên B cấp cho Bên A giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán và có hiệu lực trong 24 tháng đối với vật tư thuộc lô 1,2 và 12 tháng đối với vật tư thuộc lô 3, kể từ ngày phát hành bảo lãnh.

4.2. Thanh lý Hợp đồng:

a. Trường hợp Bên B bảo hành bằng tiền mặt: Khi hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có). Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và Biên bản

thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Biên bản thanh lý Hợp đồng được A-B ký, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Bên B;

b. Trường hợp Bên B bảo hành bằng giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng: Hợp đồng sẽ tự thanh lý khi hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có).

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm Các Bên:

5.1. Quyền và trách nhiệm Bên A:

a. Cung cấp, xác nhận cho Bên B bản vẽ gia công Vật tư đúc và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan để Bên B thực hiện việc gia công chế tạo hàng hóa theo yêu cầu.

b. Cùng với Bên B nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng, khối lượng hàng hóa do Bên B cung cấp; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

c. Đánh giá chất lượng làm việc của hàng hóa làm cơ sở để thanh, quyết toán cho Bên B theo qui định tại Điều 4 của Hợp đồng.

d. Thanh, quyết toán và thanh lý hợp đồng cho Bên B theo đúng Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Quyền và trách nhiệm Bên B:

a. Cung cấp cho Bên A đủ số lượng, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo yêu cầu nêu tại Điều 1 và Điều 2 và đúng thời gian, địa điểm nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

b. Phối hợp cùng Bên A nghiệm thu, bàn giao hàng hóa .

c. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; Không được đơn phương tạm dừng/hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 6. Về xử phạt vi phạm Hợp đồng:

6.1. Nếu Bên B không giao hàng đúng thời gian yêu cầu nêu tại Điều 3 của Hợp đồng thì Bên B sẽ phải chịu phạt 1,0% giá trị hợp đồng/01 ngày chậm. Thời gian chậm không quá 08 ngày, nếu Bên B chậm quá 08 ngày, Bên A sẽ đơn phương hủy bỏ Hợp đồng mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B.

6.2. Nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi loại không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Đền Hùng trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả.

Điều 7. Điều khoản chung:

7.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các Điều, Khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp các vướng mắc, Hai Bên không tự lương thương giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Phán quyết của Tòa án buộc Hai Bên phải chấp hành, Bên vi phạm phải chịu mọi án phí.

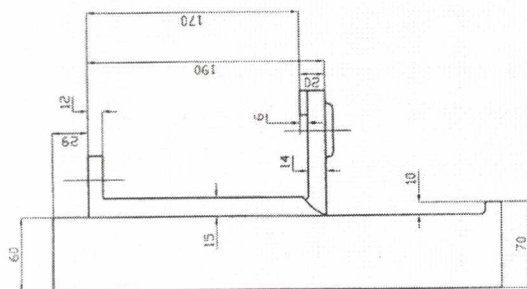
7.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên A đã nhận được giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

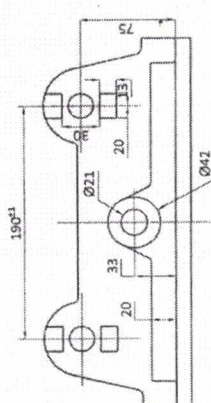
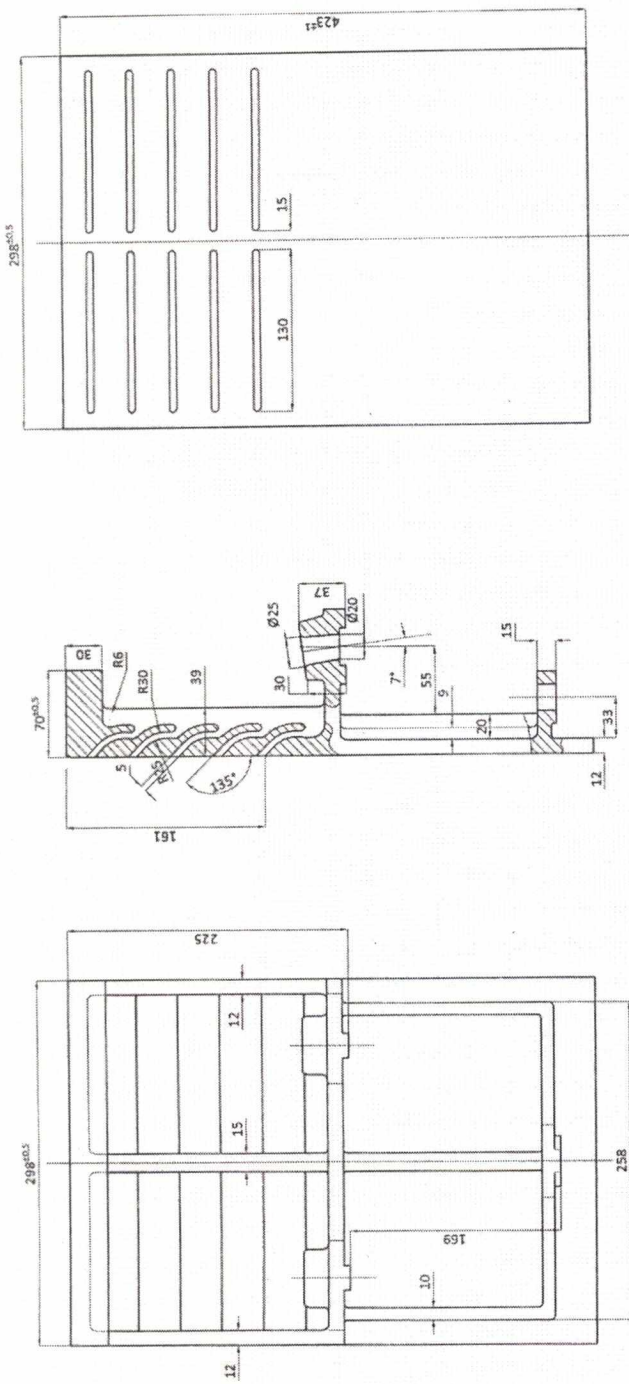
Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

.....
Giám đốc



GHI LÀM NGUỘI CLINKER

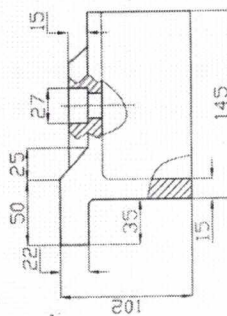
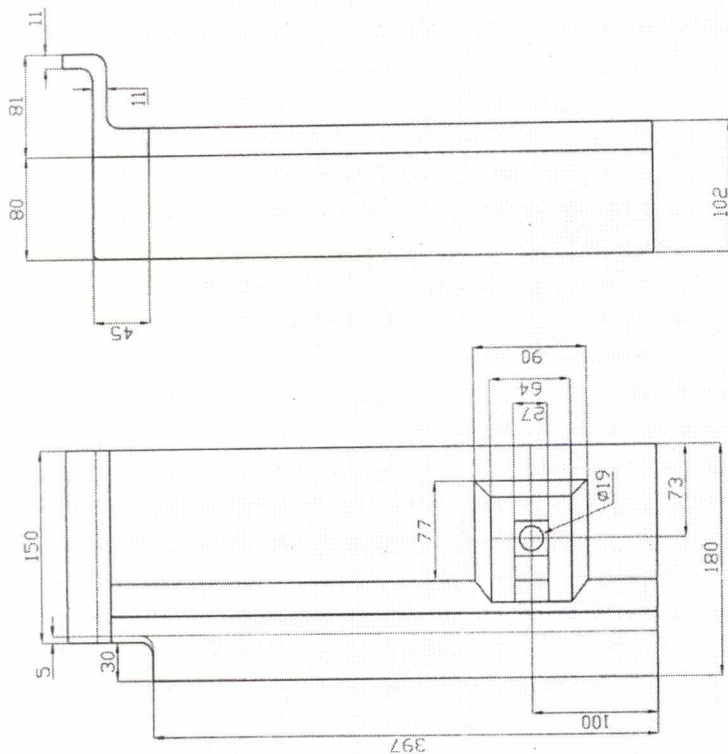
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.K.&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thanh		



Ghi chú:

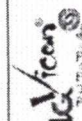
- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngầm xỉ
- Gia công dùng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				GHI LÂM NGUỘI CLINKER			
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)	
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		25	
P. K.T&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1	
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà						
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành						
Mã bản vẽ: TC-IX				Xưởng: Clinker			



Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngậm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

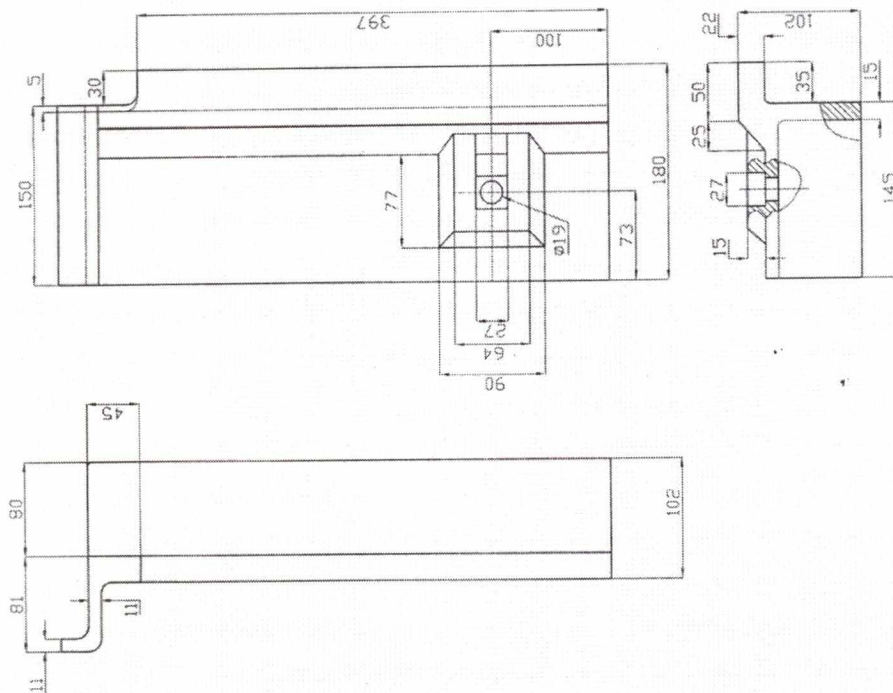
GHI LÀM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

TẤM GHI YR41.1-2A

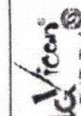
Mã bản vẽ: YR41.1-2A

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
SUS 310		14.5
Tờ	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
	Xương: Clinker	



Ghi chú:

- Mất sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rỗ ngót ngấm xi
- Gia công dùng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

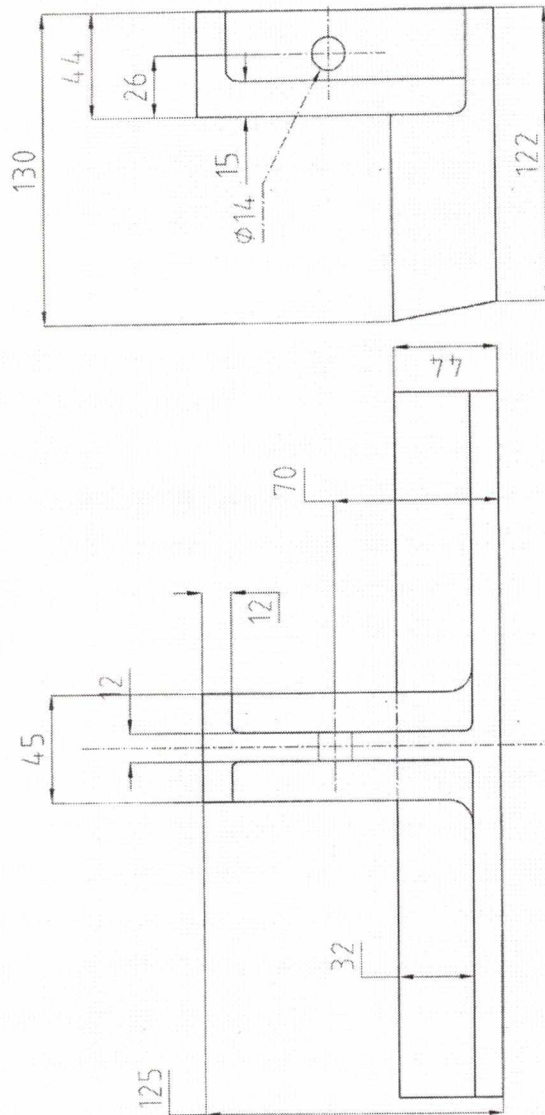
TÂM GHI YR41.1-2B

Mã bản vẽ: YR41.1-2B

GHI LÀM NGUỘI CLINKER

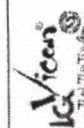
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		14.5
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà			Tơ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					

Xưởng: Clinker



Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngấm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

GHI LÂM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

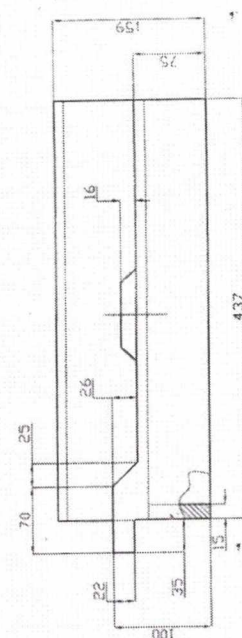
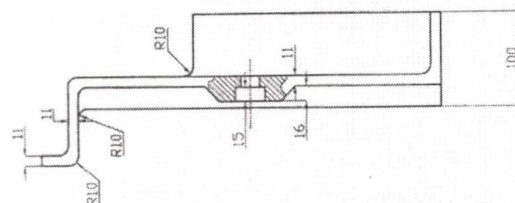
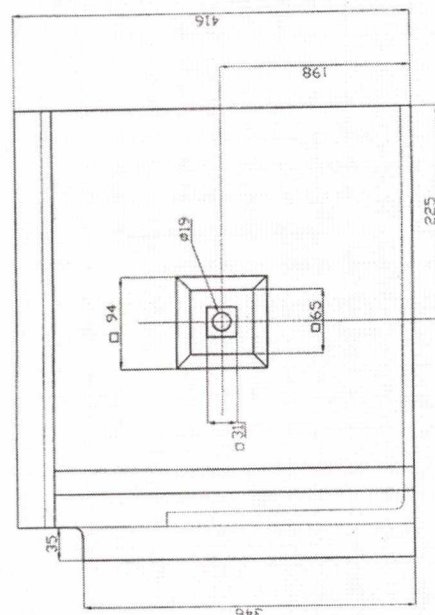
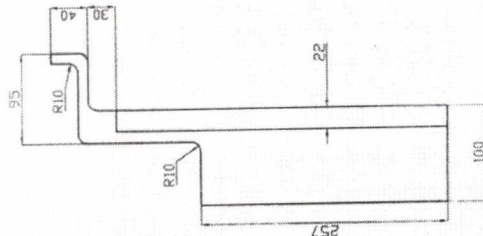
TẤM GHI YR41.1-1

Mã bản vẽ: YR41.1-1

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
SUS 310		11.3

Tỷ lệ: 1:1

Xưởng: Clinker



Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ nét ngâm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

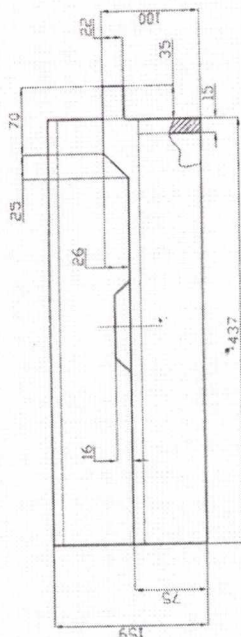
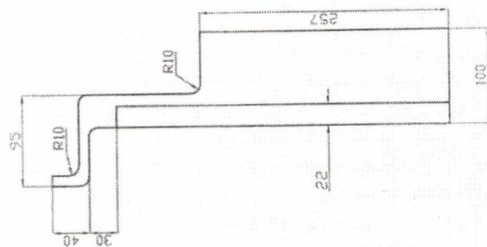
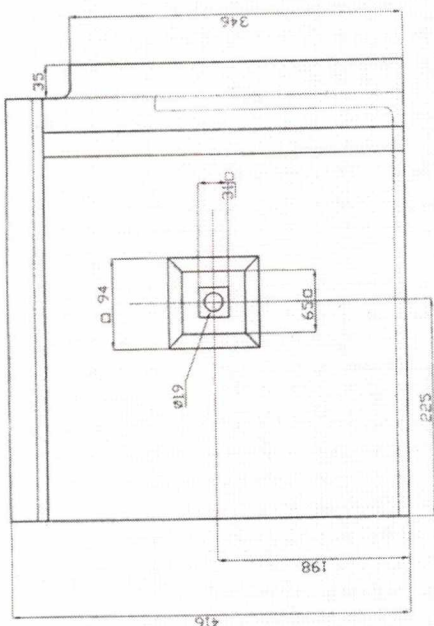
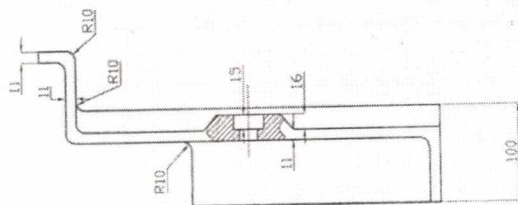
TẤM GHI R4013.2-7A

Mã bản vẽ: R4013.2-7A

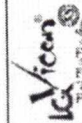
GHI LÀM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		30.3
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					

Xưởng: Clinker



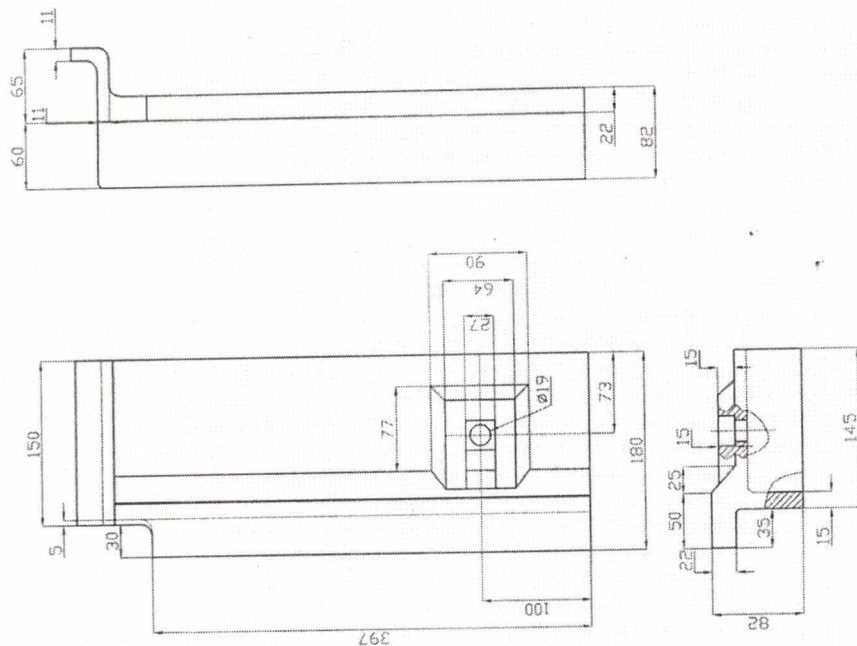
Ghi chú:
 - Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
 - Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngâm xỉ
 - Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
 - Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

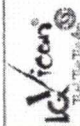
GHI LÀM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		30.3
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ 1:1
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà			Mã bản vẽ R4013.2-7B		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành			Xưởng: Clinker		



Ghi chú:

- Mặt sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngầm xỉ
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

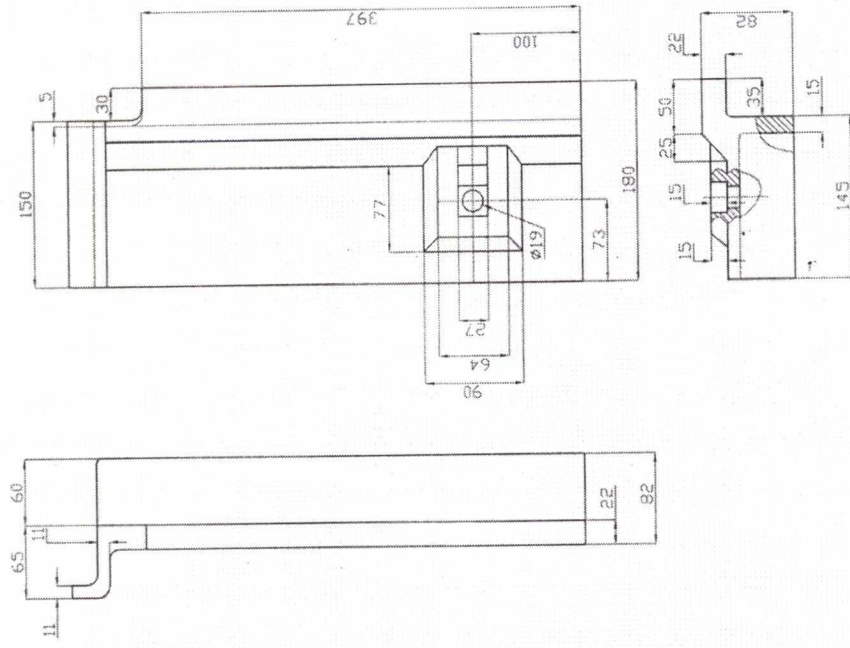
GHI LÀM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

TẤM GHI YR47.1-4A

Mã bản vẽ: YR47.1-4A

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
SUS 310		14.5
Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Xưởng: Clinker		



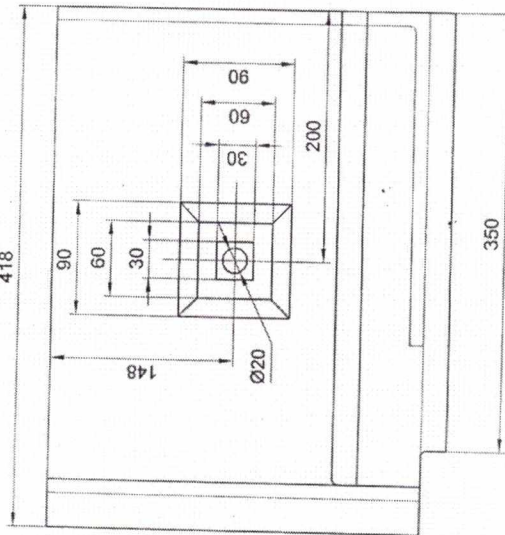
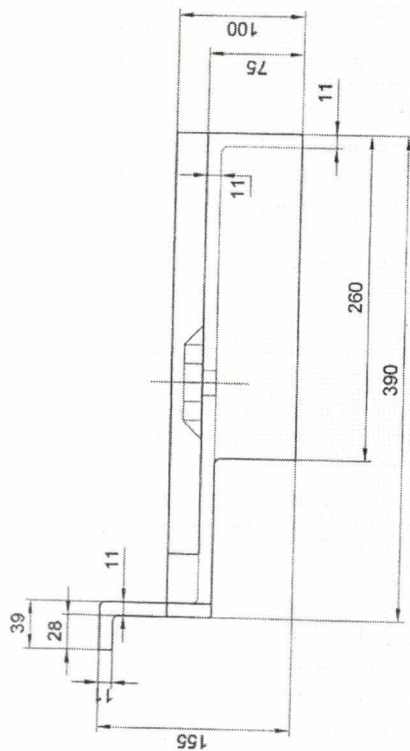
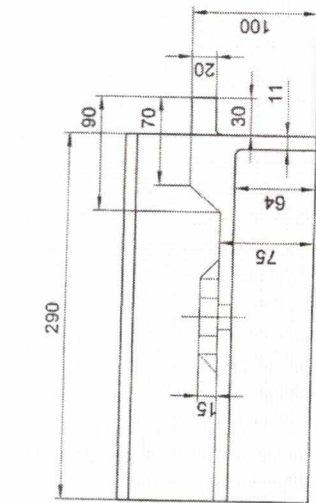
Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ nét ngấm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				GHI LÂM NGUỘI CLINKER			
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)	
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		14.5	
P.KT&NCKT	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1	
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà						
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành						
Mã bản vẽ: YR47.1-4B				Xưởng: Clinker			

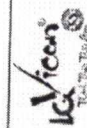
lcs Vicem
Thị trấn Thuận An

TÁM GHI YR47.1-4B



Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rỗ ngót ngầm xỉ
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

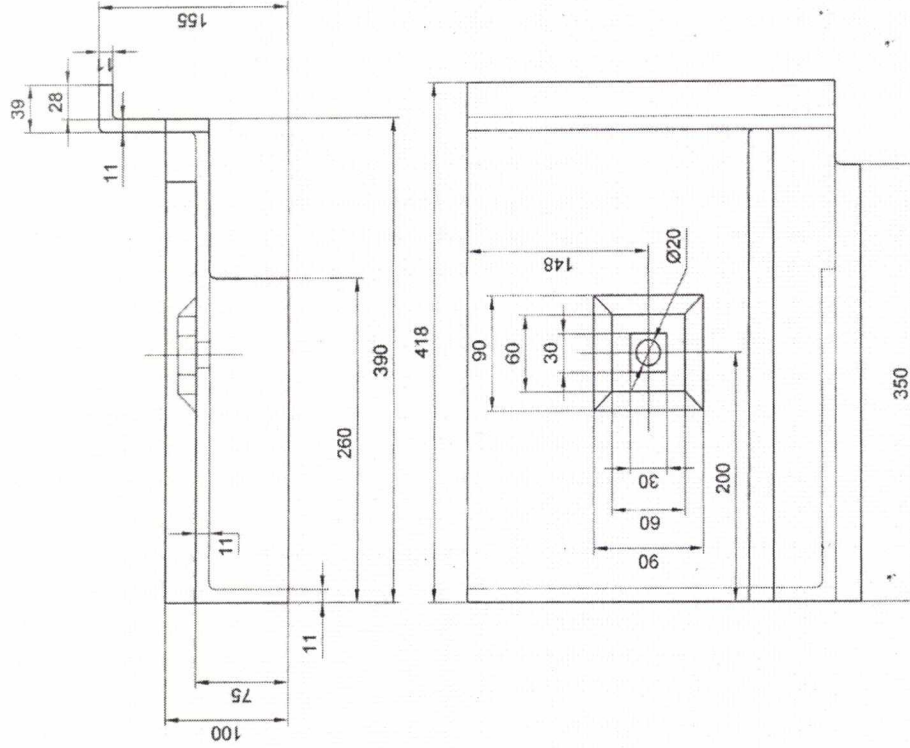
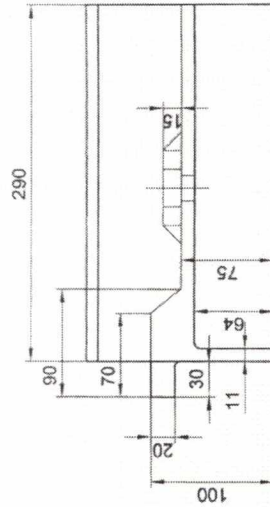
TẤM GHI R4026.2-1A

Mã bản vẽ: R4026.2-1A

GHI LÀM NGUỘI CLINKER

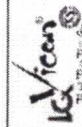
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		21.5
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					

Xưởng: Clinker



Ghi chú:

- Mái sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ nét ngấm xi
- Giá công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

GHI LÂM NGUỘI CLINKER

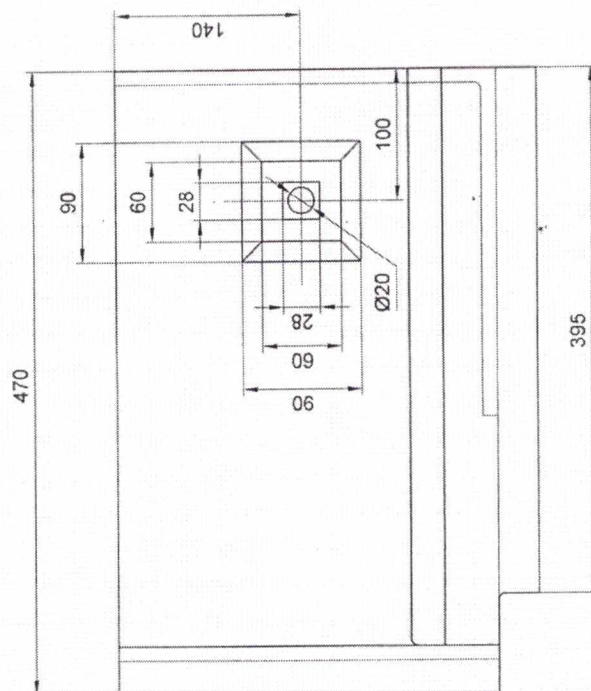
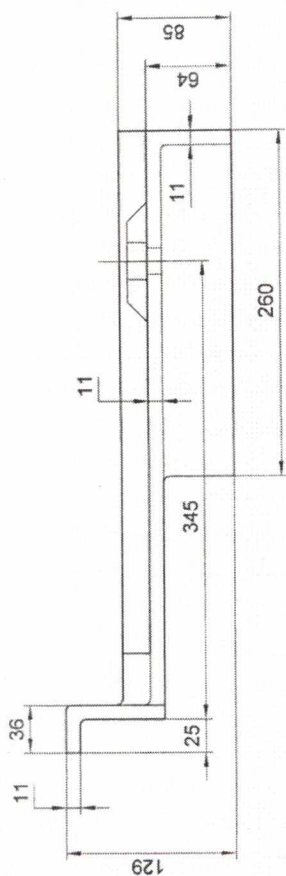
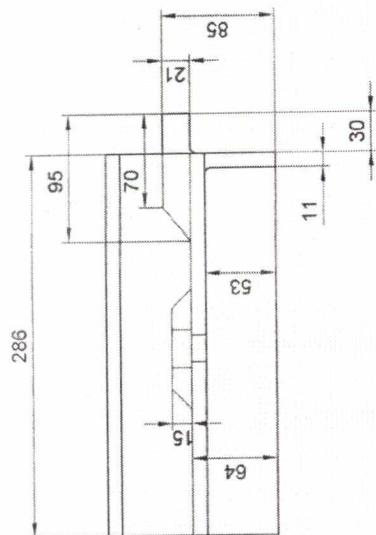
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

TÁM GHI R4026.2-1B

Mã bản vẽ: R4026.2-1B

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
SUS 310		21.5
Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
	Xưởng: Clinker	

 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				GHI LÀM NGUỘI CLINKER			
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)	
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		23	
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1	
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà						
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành						
Mã bản vẽ: R4013.2-6B				Xương: Clinker			



Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngấm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.KT&NCKT	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

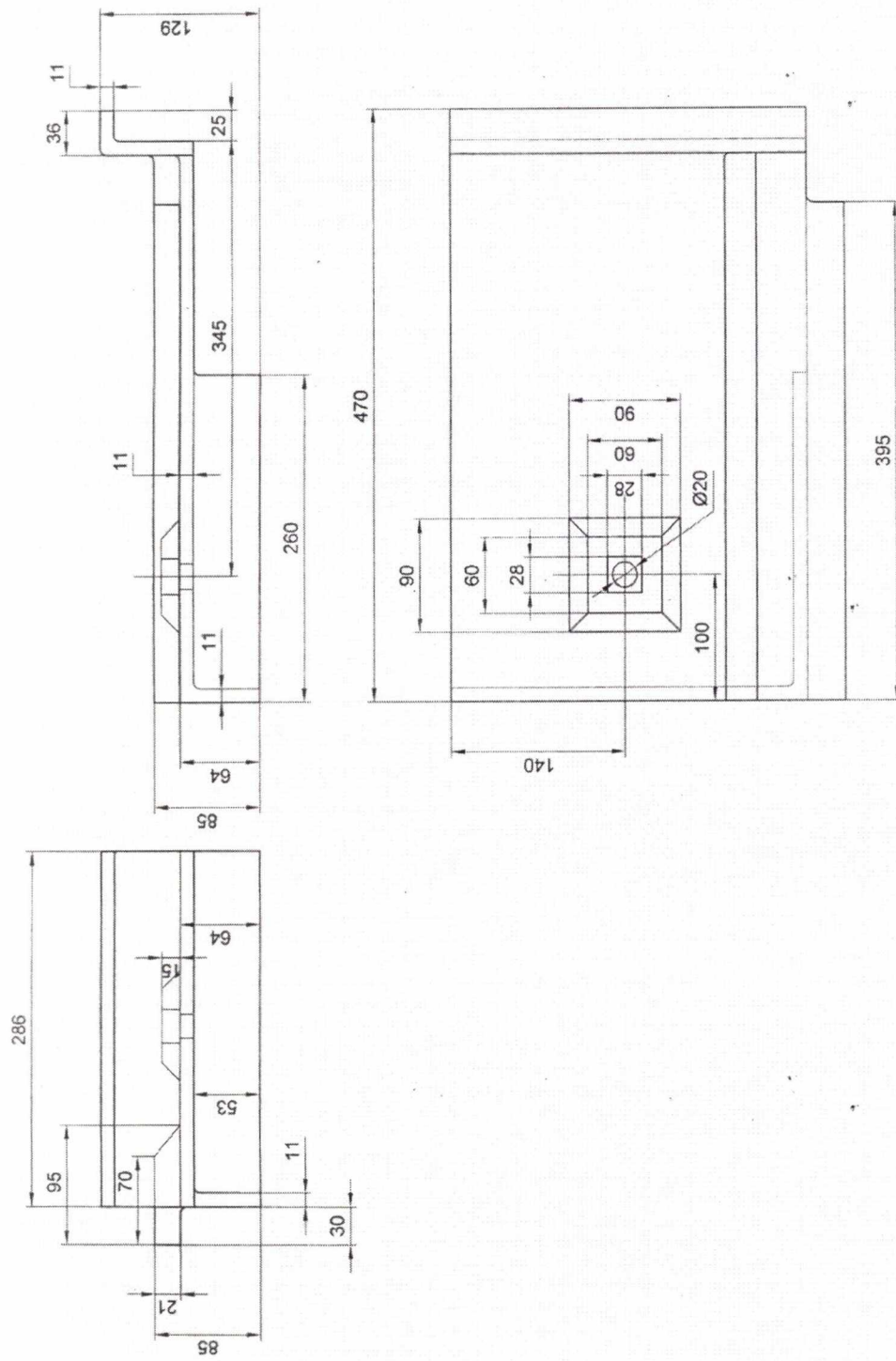
TẢM GHI YR41.1-3A

Mã bản vẽ: YR41.1-3A

GHI LÀM NGUỘI CLINKER

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
SUS 310		23.6
Tờ	Số tờ	Tỷ lệ: 1:1

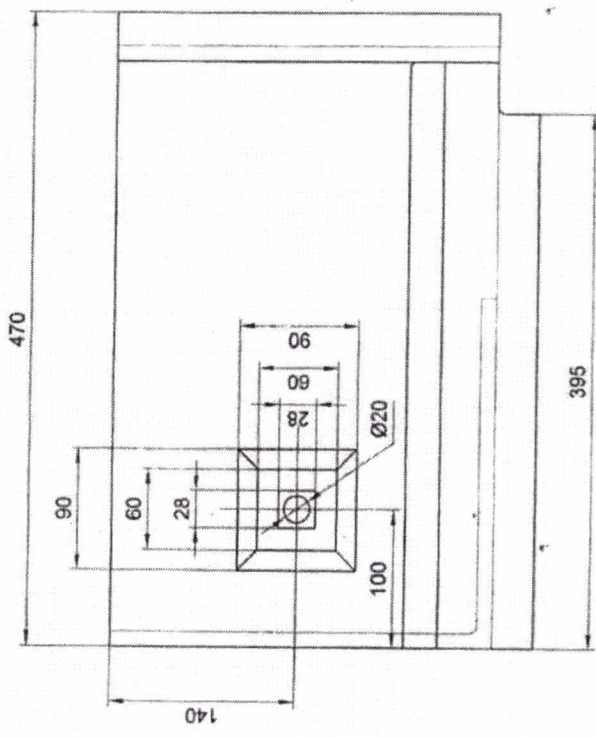
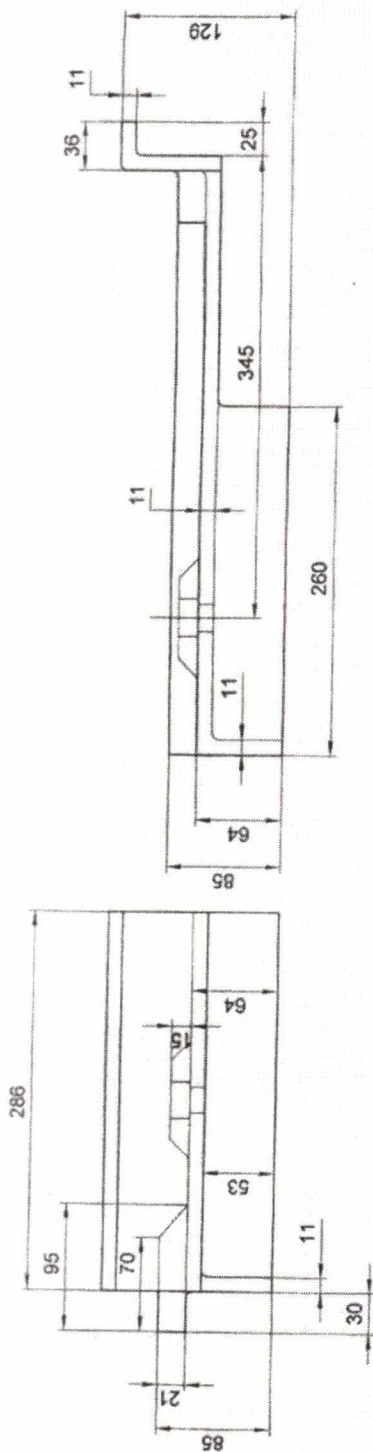
Xương: Clinker



Ghi chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rõ ngót ngâm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				GHI LÀM NGUỘI CLINKER			
Vicem Tập Đoàn Xi măng Việt Nam	Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
	Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		23.6
	P.KT&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
	Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà					
	Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					
Mã bản vẽ: YR41.1-3B				Xưởng: Clinker			



Chỉ chú:

- Mài sạch ba vĩa, làm cùn cạnh sắc
- Vật đúc không cong vênh, rỉ ngót ngầm xi
- Gia công đúng kích thước theo bản vẽ
- Khối lượng trong bản vẽ chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

GHI LÂM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			SUS 310		23.6
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà					

TẤM GHI YR41.1-3B

- Vật liệu thép C45
- Gia công dùng kích thước bản vẽ
- Sản phẩm sau khi đúc phải được làm sạch, loại bỏ bavia,
- không còn vết, không khuyết tật bề mặt, không rỉ khi ngâm xi
- Bề mặt làm việc gia công phải đạt độ nhám cấp 5
- Ray được tôi đạt độ cứng 50-55 HRC

Vicar

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.K.T&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

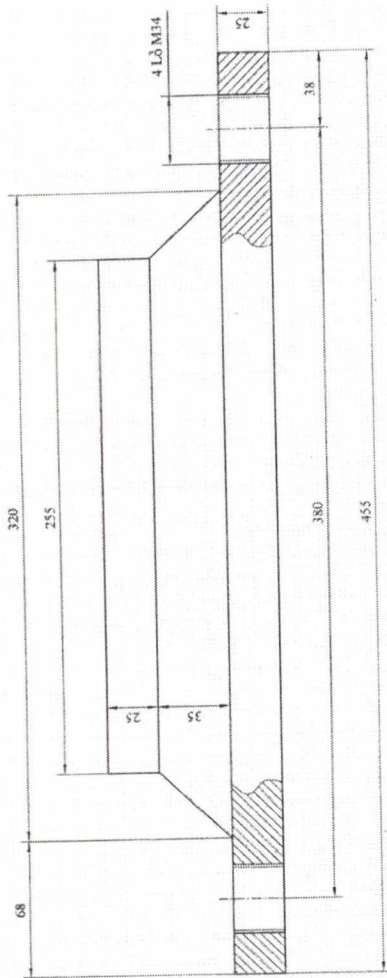
TRAY DẪN HƯỚNG DẪM CHI

Mã bản vẽ:

GHI LÀM NGUỘI CLINKER		
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Tò:	Số tò:	Tỷ lệ: 1:1
Xương: Clinker		

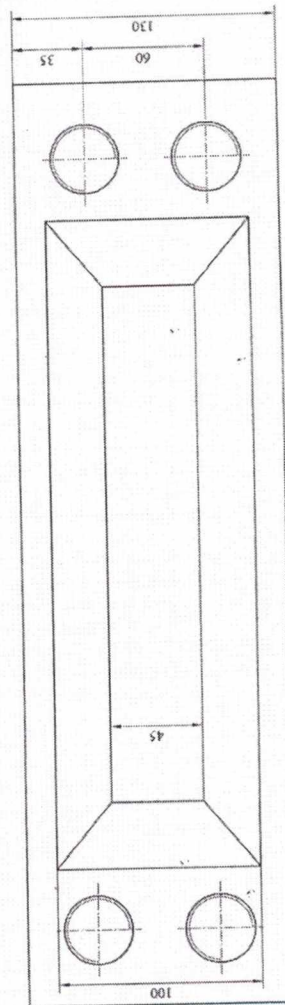
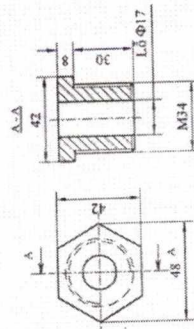
Xưởng: Clinker

Ray dẫn hướng trục ghi làm nguội



Theo A

Đặt bảng chữ in dấu hướng trục chữ



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Vật liệu thép C45
- Gia công đúng kích thước bản vẽ
- Sản phẩm sau khi đúc phải được làm sạch, loại bỏ bavaria, không cong vênh, không khuyết tật bề mặt, không rỉ sét, ngâm xỉ
- Bề mặt làm việc gia công phẳng đạt độ nhám cấp 5
- Ray được tôi đạt độ cứng 50-55 HRC
- 01 bộ ray gồm 01 ray và 04 bu lông.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thịnh		

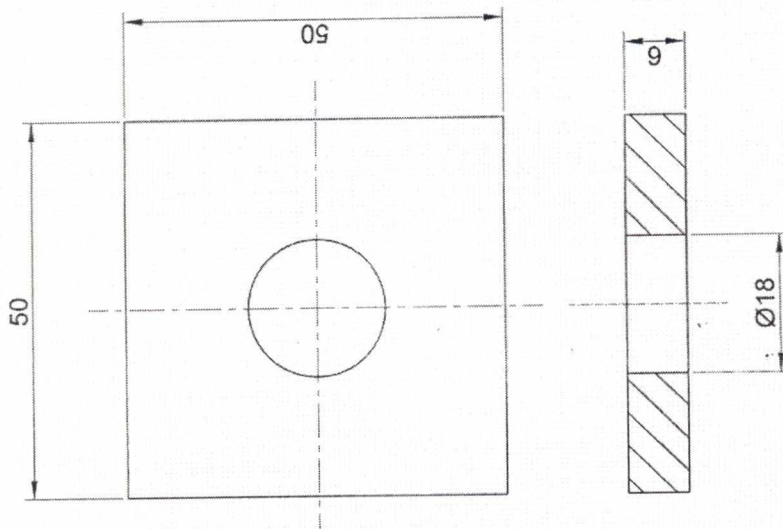
RAY DẪN HƯỚNG TRỤC GHI

Mã bản vẽ:

GHI LÀM NGUỘI CLINKER

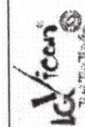
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1

Xương: Clinker



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Gia công đúng kích thước như bản vẽ
- Vật liệu thép CT3 hoặc tương đương

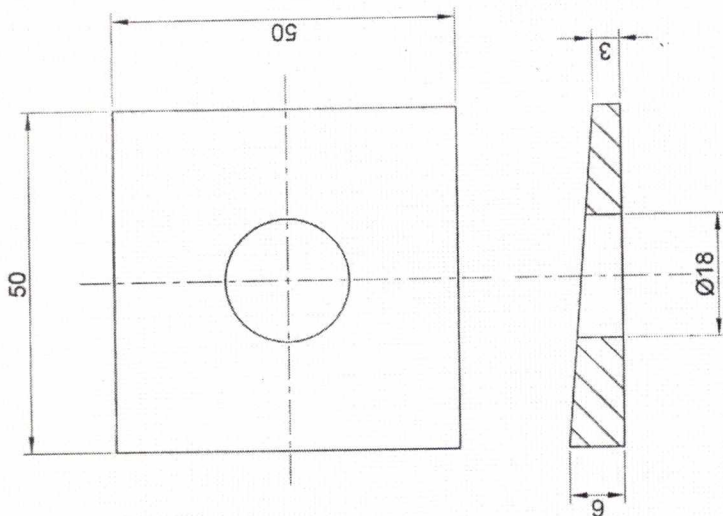


CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

GHI LÀM NGUỘI CLINKER

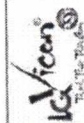
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (kg)
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh					
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà					
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà			Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành			Mã bản vẽ:		
				Xưởng: Clinker		

ĐỆM PHẪNG



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Gia công đúng kích thước như bản vẽ
- Vật liệu thép CT3 hoặc tương đương



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

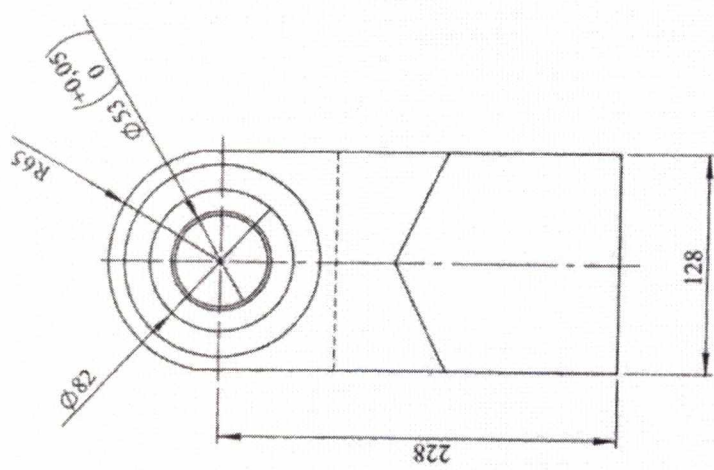
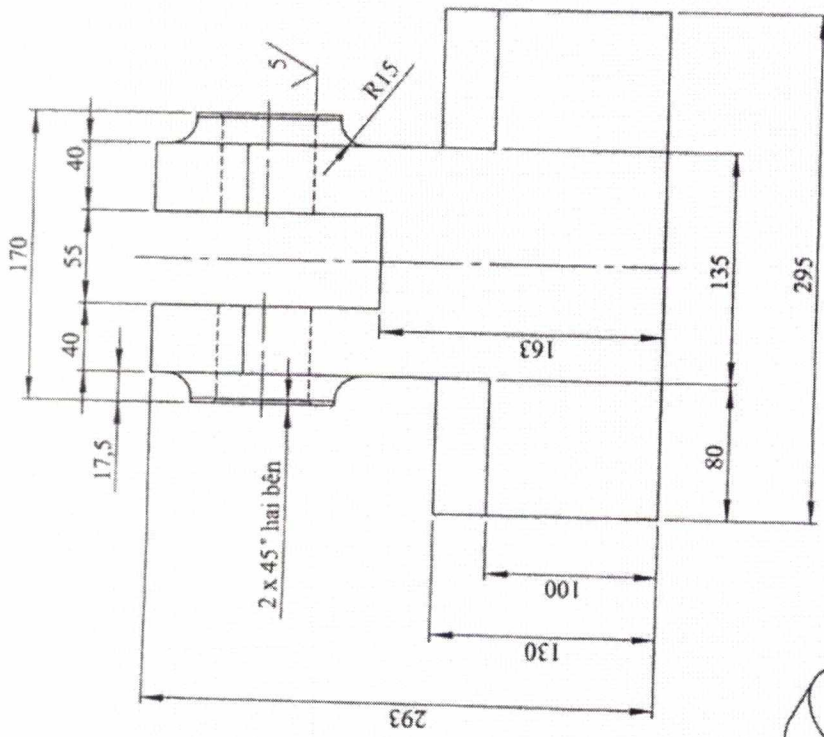
GHI LÂM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Nguyễn Ngọc Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

ĐỀM VÁT

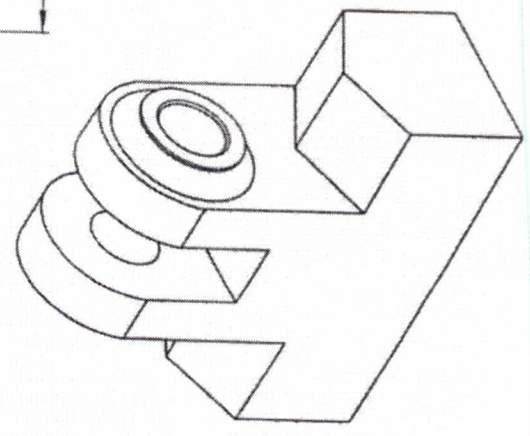
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng tạm tính (Kg)
Tô:	Số tờ:	Tỷ lệ: 1:1
Xưởng: Clinker		

Mã bản vẽ:

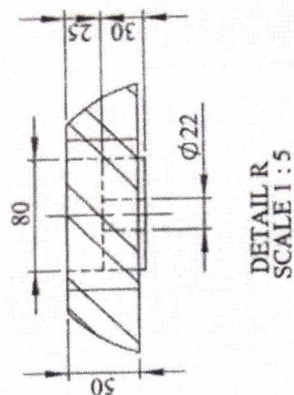
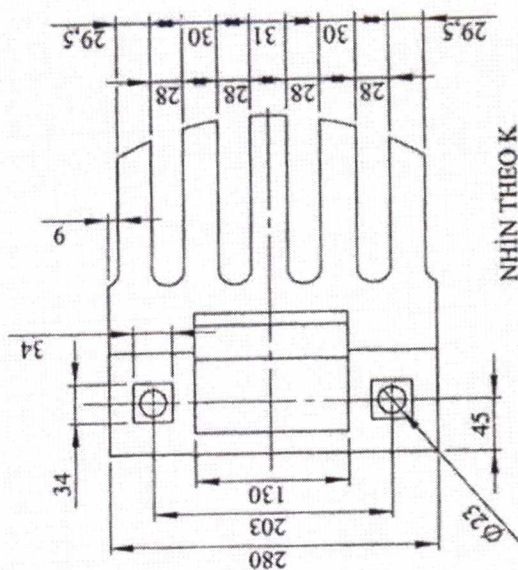
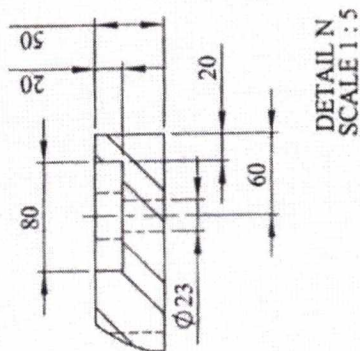
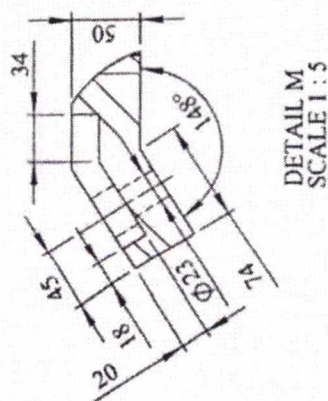
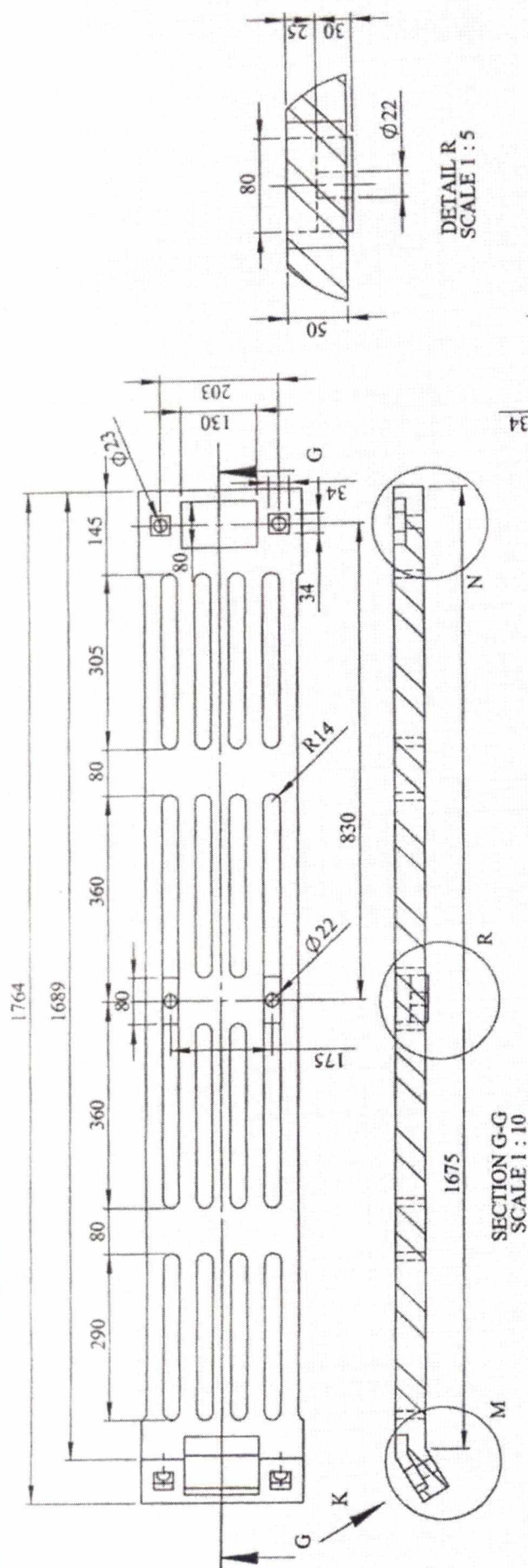


YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- Vật liệu $\Gamma 14X2$
- Vật đúc không có vết nứt, ngấm xỉ, rỗ khí
- Làm cùn cạnh sắc
- Búa chịu được nhiệt độ 600 °C



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO					GHI LÀM NGƯỜI		
Họ và tên	Ký	Ngày	V. liệu	S. lượng	K. lượng		
Duyệt Ng. Ngọc Linh					48K/g/qui		
P. KT Dương Văn Hà							
Vẽ Ng. Quang Hưng						Tờ	Số tờ:
CÁ NHÂN VIÊN DẪN					ĐIỀU KIỆN B. NGƯỜI		



YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- Vật liệu 14X2
- Gia công đúng kích thước bản vẽ.
- Vật đúc không cong vênh, rỗ khí.
- Góc lượn không ghi lấy R8

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				GHI LÂM NGƯỜI			
	Họ và tên	Ký	Ngày	V. liệu	S. lượng	K. lượng	
Duyệt	Ng. Ngọc Linh					122kg/cái	
P. KT	Dương Văn Hà						
Vẽ	Ng. Quang Hưng			Tờ	Số tờ:		
				Số hiệu: VTG-SG Phòng KT & NCTK			

Phòng KT & NCTK